

Số: /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 86-NQ/TU ngày 24/4/2026 của Ban Thường vụ
Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Thực hiện Nghị quyết số 86-NQ/TU ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 86-NQ/TU ngày 24/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành các nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Tổ chức triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050; phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đưa công nghiệp trở thành trụ cột quan trọng của nền kinh tế tỉnh.

- Tạo sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện; huy động sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và Nhân dân trong phát triển công nghiệp của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 86-NQ/TU; bảo đảm phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch, kế hoạch, chương trình có liên quan.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện.

- Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp; thường xuyên rà soát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Bảo đảm phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, hiệu quả; lấy doanh nghiệp làm trung tâm, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực; gắn phát triển công nghiệp với bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh; phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, hiệu quả; tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp nhẹ, năng lượng, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, nhất là chế biến sâu nông, lâm sản, thực phẩm; từng bước nâng cao trình độ công nghệ, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp; tạo nền tảng để tiếp cận, thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao trong giai đoạn sau.

- Phân đầu đưa công nghiệp trở thành trụ cột quan trọng của nền kinh tế tỉnh Tuyên Quang; phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp, nâng cao tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế, góp phần xây dựng tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030 là tỉnh có kinh tế - xã hội phát triển khá trong khu vực Trung du và miền núi Bắc Bộ.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp đạt mức hợp lý, bền vững; tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị tăng thêm (VA) ngành công nghiệp giai đoạn 2026-2030 đạt khoảng 17,8%/năm.

- Phân đầu tỷ lệ sản phẩm chế biến sâu trong ngành công nghiệp tăng trưởng bình quân 10%/năm. Khuyến khích phát triển khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp xanh theo quy định của pháp luật; áp dụng mô hình sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả năng lượng, tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Phân đầu đến năm 2030 thu hút được các dự án công nghiệp chế biến, chế tạo có công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường; nâng cao tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong cơ cấu ngành công nghiệp của tỉnh.

- Thành lập mới, điều chỉnh, mở rộng một số khu, cụm công nghiệp theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phân đầu đến năm 2030, tỉnh Tuyên Quang có 12 khu công nghiệp với tổng diện tích dự kiến 3.096,2 ha; xây dựng, hoàn thiện hệ thống hạ tầng các khu công nghiệp đồng bộ, hiện đại với mô hình khu công nghiệp xanh, thông minh, phát triển bền vững.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 72% trở lên, trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 30% trở lên.

- 100% khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp đạt trên 70%.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, xanh, bền vững; công nghiệp chế biến, chế tạo trở thành trụ cột của nền kinh tế tỉnh; hình thành một số ngành công nghiệp có năng lực cạnh tranh cao và tham gia sâu vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Rà soát, điều chỉnh cơ cấu ngành công nghiệp

- Triển khai hiệu quả phương án phát triển công nghiệp trong Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; phát huy lợi thế cạnh tranh, thế mạnh của tỉnh và từng địa phương.

- Thúc đẩy chuyển dịch từ các ngành công nghiệp chủ yếu dựa vào tài nguyên, lao động giản đơn, có nguy cơ tác động xấu đến môi trường sang các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học - công nghệ cao, thân thiện với môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển các cụm liên kết công nghiệp; nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh và tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh của tỉnh; hạn chế các dự án sử dụng nhiều tài nguyên, tiêu hao năng lượng lớn và tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

2. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyên đổi số, đơn giản hóa quy trình, thủ tục trong giải quyết công việc cho người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Duy trì đối thoại định kỳ giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp, nhà đầu tư để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công tác hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp, nhất là về đầu tư, đất đai, xây dựng, tài nguyên, môi trường; kiên quyết xử lý, thu hồi các dự án chậm tiến độ, vi phạm quy định pháp luật.

- Tạo lập môi trường thuận lợi cho khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp; hỗ trợ các mô hình khởi nghiệp công nghiệp từ nguồn kinh phí khuyến công và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

3. Phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên

- Phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên theo hướng hình thành ngành công nghiệp chủ lực, sản phẩm công nghiệp có sức cạnh tranh; tập trung công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, thực phẩm, dược liệu; sản xuất vật liệu xây dựng; luyện kim, cơ khí chế tạo; hóa chất; công nghiệp nhẹ; năng lượng; ưu tiên chế biến sâu, công nghệ sạch, giá trị gia tăng cao.

- Phát triển hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản theo hướng tập trung, bền vững, phù hợp quy hoạch khoáng sản, quy hoạch tỉnh và quy định pháp luật về địa chất, khoáng sản; ưu tiên chế biến sâu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường và đóng cửa mỏ sau khai thác theo quy định.

- Thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp lớn có công nghệ hiện đại, quản trị tiên tiến đầu tư vào tỉnh; ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp số, tự động hóa, điện tử và các ngành công nghiệp mới phù hợp với điều kiện thực tiễn, định hướng phát triển của tỉnh và xu thế phát triển của đất nước trong từng thời kỳ.

- Phát triển ngành điện, năng lượng bảo đảm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, dự án công nghiệp trọng điểm; khuyến khích năng lượng sạch, năng lượng tái tạo phù hợp quy định.

- Triển khai thực hiện các định hướng khoa học và công nghệ của Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Đầu tư phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp

- Huy động đa dạng nguồn lực, nhất là nguồn lực xã hội hóa, đầu tư hạ tầng giao thông, điện, nước, xử lý nước thải, viễn thông, logistics và hạ tầng kết nối trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp phục vụ phát triển công nghiệp.

- Đối với khu công nghiệp, khu kinh tế: thu hút đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng bằng vốn ngoài ngân sách; phát triển hạ tầng đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh, sinh thái, tuần hoàn; nâng cao tỷ lệ lấp đầy.

- Đối với cụm công nghiệp: rà soát, thành lập, mở rộng, điều chỉnh phù hợp Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; thu hút đầu tư hạ tầng kỹ thuật, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cụm đã thành lập; ưu tiên ngành nghề có lợi thế địa phương, bảo đảm môi trường.

- Phối hợp quản lý đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện hình thành quỹ đất sạch phục vụ khu, cụm công nghiệp; xử lý dự án chậm tiến độ, sử dụng đất kém hiệu quả.

- Tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào khu, cụm công nghiệp; ưu tiên các công trình giao thông kết nối, cấp điện, cấp nước, viễn thông, logistics nhằm nâng cao năng lực thu hút đầu tư và hiệu quả hoạt động của các khu, cụm công nghiệp.

5. Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghiệp

- Triển khai hiệu quả Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 11/8/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; tạo điều kiện để doanh nghiệp tư nhân trở thành một trong những động lực quan trọng của công nghiệp tỉnh.

- Thực hiện các chính sách khuyến công, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ; hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm mới.

- Thu hút FDI có chọn lọc, ưu tiên dự án công nghiệp chế biến, điện tử, cơ khí, công nghệ cao, thân thiện môi trường, có liên kết vùng, liên kết chuỗi giá trị, liên kết với doanh nghiệp trong tỉnh và đóng góp lớn cho ngân sách, việc làm.

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong quản trị, sản xuất, kinh doanh; xây dựng mô hình nhà máy thông minh, sản xuất thông minh phù hợp quy mô doanh nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế; phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp.

6. Phát triển khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong công nghiệp

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, quản trị hiện đại, tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử.

- Phát triển cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học - công nghệ trong các ngành, lĩnh vực, trong đó có ngành, lĩnh vực công nghiệp chủ lực, ưu tiên; hỗ trợ hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, đổi mới công nghệ, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), tự động hóa trong sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh.

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu ngành công nghiệp của tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

7. Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo lại nguồn nhân lực công nghiệp, nhất là nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực công nghệ cao; gắn đào tạo với nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động.

- Khuyến khích doanh nghiệp, khu vực tư nhân tham gia đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề; lồng ghép nguồn lực các chương trình, đề án, dự án để đào tạo lao động địa phương phục vụ khu, cụm công nghiệp.

- Tăng cường liên kết giữa các cơ sở giáo dục, đào tạo nghề nghiệp với doanh nghiệp công nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động trong từng ngành, lĩnh vực.

8. Phát triển công nghiệp xanh và kinh tế tuần hoàn

- Thúc đẩy phát triển công nghiệp theo hướng xanh, bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường; lồng ghép các mục tiêu tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn trong quá trình xây dựng và triển khai các chương trình, dự án phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích doanh nghiệp công nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, quản lý năng lượng, sản xuất sạch hơn, sử dụng tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, nước và các nguồn tài nguyên khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, tận dụng và tái sử dụng phụ phẩm, phế phẩm trong sản xuất; khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất gắn với kinh tế tuần hoàn trong chế biến gỗ, chế biến nông sản, thực phẩm và dược liệu.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất công nghiệp thực hiện phân loại, thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải; tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp trong khu, cụm công nghiệp nhằm sử dụng hiệu quả nguyên liệu, năng lượng và hạ tầng dùng chung, từng bước hình thành các mô hình cộng sinh công nghiệp phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Đẩy mạnh sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo phù hợp với quy hoạch và điều kiện thực tế; từng bước xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng xanh, hiện đại, thân thiện với môi trường.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các cơ chế, chính sách của Trung ương về tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn; huy động các nguồn lực hợp pháp để triển khai các mô hình sản xuất xanh, sạch,

góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và phát triển công nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh.

9. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

- Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, khoáng sản tiết kiệm, hiệu quả, bền vững; bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu, bảo vệ nguồn nước, phòng chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

- Yêu cầu các dự án công nghiệp có khai thác, sử dụng nước phải thực hiện đầy đủ việc cấp phép, đăng ký, kê khai khai thác, sử dụng tài nguyên nước; quan trắc, giám sát khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định; bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu, bảo vệ nguồn nước, phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước.

- Lồng ghép yêu cầu thích ứng biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường trong quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án công nghiệp; khuyến khích công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm; xử lý nghiêm vi phạm về đất đai, tài nguyên, khoáng sản, môi trường; phát triển khu công nghiệp xanh, sinh thái, tuần hoàn.

10. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, kiểm tra, giám sát

- Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, trách nhiệm người đứng đầu trong phát triển công nghiệp.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, theo dõi, đôn đốc; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư; xử lý nghiêm hành vi gây khó khăn, cản trở hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh hợp pháp.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tạo đồng thuận trong triển khai các chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp.

IV. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Sở Công Thương

- Là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch; chủ trì tham mưu phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp, công nghiệp năng lượng, khuyến công, công nghiệp nông thôn.

- Chủ trì rà soát, tham mưu thành lập, mở rộng, điều chỉnh, phát triển cụm công nghiệp; theo dõi, kiểm tra, tổng hợp tình hình đầu tư xây dựng, hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì tham mưu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, trong đó có các doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo.

- Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bảo đảm đúng quy định của

Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

- Phối hợp thu hút dự án đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp bằng vốn ngoài ngân sách phù hợp Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp tham mưu quản lý đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, bảo vệ môi trường; giải quyết thủ tục thuộc thẩm quyền, góp phần hình thành quỹ đất sạch phục vụ khu, cụm công nghiệp.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về tài nguyên nước, địa chất, khoáng sản, môi trường đối với dự án công nghiệp; xử lý hoặc tham mưu xử lý vi phạm theo quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tham mưu phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học - công nghệ trong các ngành, lĩnh vực, trong đó có ngành, lĩnh vực công nghiệp chủ lực, ưu tiên.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, tài sản trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp.

5. Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế

- Chủ trì triển khai phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; thu hút đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế bằng vốn ngoài ngân sách.

- Hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế; nâng cao tỷ lệ lấp đầy; phối hợp xây dựng khu công nghiệp xanh, thông minh, sinh thái, tuần hoàn và cung cấp thông tin phục vụ tổng hợp chung.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp; gắn đào tạo với nhu cầu doanh nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và thị trường lao động.

7. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp triển khai chính sách đối với người lao động trong lĩnh vực công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ; phối hợp thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm, phúc lợi xã hội, bảo hộ lao động.

8. Sở Xây dựng

Phối hợp quản lý quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, hạ tầng đô thị phục vụ khu, cụm công nghiệp và dự án công nghiệp.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp rà soát, đánh giá sự phù hợp của dự án công nghiệp với yêu cầu bảo vệ di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh, phát triển du lịch và quy định pháp luật liên quan.

10. Sở Tư pháp

Phối hợp rà soát, tham gia ý kiến đối với cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phát triển công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ.

11. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động triển khai các nhiệm vụ được giao; phối hợp với Sở Công Thương và cơ quan chủ trì; kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc để tổng hợp, xử lý.

12. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Tổ chức tuyên truyền, triển khai Kế hoạch trên địa bàn; phối hợp về đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng, môi trường, an ninh trật tự; đề xuất vị trí, khu vực có tiềm năng phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp phù hợp quy hoạch.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương phát triển công nghiệp; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong triển khai Kế hoạch.

(Kèm theo Phụ lục danh mục các nhiệm vụ, đề án, chương trình trọng tâm thực hiện Nghị quyết số 86-NQ/TU giai đoạn 2026-2030)

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao về Sở Công Thương để tổng hợp.

2. Sở Công Thương chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện; tham mưu sơ kết giữa kỳ vào năm 2028 và tổng kết việc thực hiện Kế hoạch vào năm 2030.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có yêu cầu điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp với tình hình thực tiễn, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Công Thương) để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- VNPT iOffice;
- Lưu: VT, KTN (Hồng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Tuấn

PHỤ LỤC

DANH MỤC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 86-NQ/TU VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG GIAI ĐOẠN 2026-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm đầu ra
1	Rà soát, cập nhật phương án phát triển công nghiệp trong Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương	2026-2027	Báo cáo rà soát, đề xuất điều chỉnh
2	Rà soát, đề xuất điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp	Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế	Sở Công Thương, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan	2026-2028	Hồ sơ điều chỉnh, bổ sung quy hoạch
3	Rà soát, điều chỉnh, mở rộng các cụm công nghiệp phù hợp quy hoạch	Sở Công Thương	UBND các xã, phường và các cơ quan liên quan	Hàng năm	Quyết định thành lập, điều chỉnh, mở rộng cụm công nghiệp
4	Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản giai đoạn 2026-2030	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành liên quan	2026	Đề án được phê duyệt
5	Xây dựng Chương trình phát triển công nghiệp chế biến gỗ và sản phẩm gỗ	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan	2026-2027	Chương trình được ban hành
6	Thu hút đầu tư các dự án công nghiệp chế biến sâu nông, lâm sản, thực phẩm	Sở Tài chính	Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế, các cơ quan liên quan	Hàng năm	Danh mục dự án và kết quả thu hút đầu tư
7	Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp bằng nguồn vốn ngoài ngân sách	Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, UBND các xã, phường	2026-2030	Dự án hạ tầng được chấp thuận đầu tư
8	Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp	Sở Công Thương	Các địa phương và các cơ quan liên quan	2026-2030	Hạ tầng cụm công nghiệp được đầu tư

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm đầu ra
9	Xây dựng kế hoạch phát triển logistics phục vụ công nghiệp	Sở Công Thương	Sở Xây dựng, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan	2027	Kế hoạch được ban hành
10	Phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ chế biến, chế tạo	Sở Công Thương	Hiệp hội doanh nghiệp, các sở, ngành, địa phương	2026-2030	Báo cáo kết quả phát triển công nghiệp hỗ trợ hằng năm
11	Triển khai Chương trình khuyến công địa phương	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương	Hàng năm	Kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện
12	Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thiết bị sản xuất	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, các sở, ngành, địa phương	Hàng năm	Báo cáo kết quả hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ
13	Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong sản xuất công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, các sở, ngành, địa phương	2026-2030	Báo cáo kết quả triển khai chuyển đổi số trong sản xuất công nghiệp
14	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành công nghiệp tỉnh Tuyên Quang	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành liên quan	2027	Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành công nghiệp
15	Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư chuyên đề về công nghiệp	Sở Tài chính	Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế, các cơ quan liên quan	Hàng năm	Hội nghị, diễn đàn xúc tiến đầu tư
16	Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp	Sở Công Thương	Sở Tài chính, các sở, ngành, địa phương	Hàng năm	Báo cáo kết quả hỗ trợ phát triển thương nghiệp và mở rộng thị trường
17	Phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp chế biến, chế tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Công Thương, các sở, ngành, địa phương	2026-2030	Kế hoạch đào tạo; báo cáo kết quả đào tạo nguồn nhân lực hằng năm

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm đầu ra
18	Tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp công nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Hiệp hội doanh nghiệp, Sở Công Thương và các cơ quan liên quan	Hàng năm	Chương trình phối hợp đào tạo
19	Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường tại các khu, cụm công nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế, UBND các xã, phường	Hàng năm	Báo cáo kiểm tra, xử lý vi phạm
20	Triển khai mô hình sản xuất sạch hơn, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong công nghiệp	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, địa phương	2026-2030	Báo cáo kết quả triển khai mô hình sản xuất sạch hơn
21	Thực hiện chương trình phát triển công nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực công nghiệp	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương liên quan	2026-2030	Chương trình và kết quả thực hiện
22	Rà soát, xử lý các dự án công nghiệp chậm tiến độ, sử dụng đất kém hiệu quả	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, các địa phương	Hàng năm	Báo cáo xử lý dự án
23	Xây dựng Báo cáo sơ kết giữa kỳ thực hiện Nghị quyết số 86-NQ/TU	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2028	Báo cáo sơ kết
24	Xây dựng Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 86-NQ/TU giai đoạn 2026-2030	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2030	Báo cáo tổng kết
25	Xây dựng cơ chế theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu phát triển công nghiệp của tỉnh	Sở Công Thương	Chi cục Thống kê tỉnh và các cơ quan liên quan	2026	Bộ chỉ tiêu và chế độ báo cáo thống nhất